

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA ĐIỀU 243 BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2025) VỀ QUYẾT ĐỊNH TRUY TỐ BỊ CAN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

VŨ THỊ SAO MAI*

Tóm tắt: Bài viết phân tích những điểm mới của Điều 243 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, quy định về quyết định truy tố bị can. Theo đó, Viện kiểm sát (VKS) có thẩm quyền quyết định truy tố vắng mặt bị can trong một số trường hợp. Quy định mới này đã giải quyết được nhiều vướng mắc, khó khăn trong thực tế tố tụng và cũng phù hợp với thẩm quyền xét xử vắng mặt bị cáo trong giai đoạn xét xử. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các nội dung mới và toàn bộ Điều 243 cho thấy, để bảo đảm hiệu quả hơn trong hoạt động truy tố, các quy định này cần được hoàn thiện và có các hướng dẫn cụ thể để thực hiện. Bài viết tập trung vào phân tích những điểm mới trong quy định tại Điều 243 BLTTHS, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này trên thực tế.

*Từ khóa: Bộ luật Tố tụng hình sự; quyết định truy tố; bị can; Viện kiểm sát
Ngày nhận bài: 01/12/2025; Biên tập xong: 12/12/2025; Duyệt đăng: 23/12/2025*

NEW POINTS OF ARTICLE 243 OF THE 2015 CRIMINAL PROCEDURE CODE (AS AMENDED AND SUPPLEMENTED IN 2025) CONCERNING THE DECISION TO PROSECUTE THE ACCUSED AND RECOMMENDATIONS

Abstract: The article analyzes the new points of Article 243 of the 2015 Criminal Procedure Code, amended and supplemented in 2025, concerning the decision to prosecute the accused. According to the new amendments and supplements, the Procuracy has the authority to decide to prosecute the accused in absentia in some cases. This new provision has resolved many problems and difficulties in the actual proceedings and is also consistent with the authority to try the accused in absentia during the trial phase. However, through the study of the new contents and the entire Article 243, it is shown that, to ensure more effectiveness in prosecution activities, these regulations need to be completed and have specific instructions for implementation. This article focuses on analyzing the new points in the provisions of Article 243 of the Criminal Procedure Code, and at the same time, makes some recommendations to continue to enhance the effectiveness of implementing this regulation.

Keywords: The Criminal Procedure Code; decision to prosecute; the accused; the Procuracy
Received: Dec 01, 2025; **Editing completed:** Dec 12th, 2025; **Accepted for publication:** Dec 23th, 2025

Tại Việt Nam, quyết định truy tố bị can của VKS mang tính bắt buộc khi có đầy đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Khác với Việt Nam, Viện công tố tại một số nước khác có quyền quyết định ra quyết định truy tố hoặc quyết định không truy tố. Tại Hàn Quốc, sau khi kết thúc điều tra, Công tố viên phải quyết định có đưa ra lời buộc tội hay không. Nếu Công tố viên không đưa ra cáo trạng thì hành động này thông thường được gọi là không truy tố¹. Còn ở Cộng hòa Liên bang Đức, nguyên tắc truy tố bắt buộc được áp dụng đối với đa số các vụ án², tuy nhiên do yếu tố tranh tụng được ít nhiều tích hợp, nên Đức tiếp nhận

và thừa nhận quyền tùy nghi truy tố. Khoản 2 Điều 152 BLTTHS của Cộng hòa Liên bang Đức quy định: “Cơ quan công tố có thẩm quyền thực hiện quyền công tố. Ngoại trừ khi pháp luật có quy định khác, cơ quan công tố có nghĩa vụ phải truy tố mọi hành vi phạm tội nếu có đủ căn cứ thực tế”. Đức có một ngoại lệ luật pháp cho phép là không truy tố đối với những vụ án liên quan đến những tội phạm ít hoặc không nghiêm trọng, chỉ xâm phạm đến lợi ích cá nhân hoặc do lỗi vô ý (Điều 153 BLTTHS)³. Câu hỏi đặt ra là làm sao để pháp luật không chỉ theo kịp mà còn thúc

*Email: Vuthisaomai88@gmail.com

Nghiên cứu sinh, Thạc sĩ, Kiểm tra viên chính, Vụ Tổ chức cán bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

¹ Nông Xuân Trường, *Về cơ quan công tố Hàn Quốc*, <https://hpu.vn/thong-tin-khoa-hoc/ve-co-quan-cong-to-han-quoc-8571.html>, truy cập ngày 27/11/2025.

² Nguyễn Quý Khuyến, Đặng Văn Thực, “Cơ sở áp dụng chế định quyền tùy nghi truy tố của VKS trong tố tụng hình sự ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 11/2024, tr. 17.

³ Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) (2008), *Một số điểm đáng lưu ý liên quan đến tố tụng tại cấp sơ thẩm theo BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức*, <https://www.vksndtc.gov.vn/thong-tin/thong-tin-khoa-hoc-kiem-sat/mot-so-diem-dang-luu-y-lien-quan-den-to-tung-tai-c-d16-t7848.html>, truy cập ngày 25/11/2025.

đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống trong xã hội hiện đại. Việc này đòi hỏi giải pháp toàn diện và sự tham gia của các cơ quan nhà nước, chuyên gia và cộng đồng⁴. M. J. Trebilcock và R. Daniels đã nhấn mạnh: “Cải cách hệ thống pháp lý để thúc đẩy phát triển và hiệu quả thể chế, nhấn mạnh những yếu tố thể chế có thể cản trở sự tiến bộ trong xây dựng pháp luật”⁵. Bruce Ackerman cũng chỉ ra rằng: “Một hệ thống pháp lý không thống nhất có thể dẫn đến sự mất kết nối giữa lý tưởng về công lý và thực tiễn... Sự không đồng bộ trong các bộ luật và nghị định sẽ tạo ra những “vết rạn” trong hệ thống pháp lý, làm suy yếu tính chính đáng của các quyết định pháp lý và gây ra sự bất ổn trong xã hội”⁶.

Quyền tùy nghi truy tố chưa được nội luật hóa tại Việt Nam như các nước này. Pháp luật tố tụng Việt Nam vẫn theo mô hình truy tố bắt buộc: Nếu có cơ sở, vụ án phải được đưa ra truy tố. Việc nghiên cứu pháp luật các nước để học hỏi kinh nghiệm và đánh giá lại những ưu việt của pháp luật Việt Nam vẫn đang được thực hiện qua các lần sửa đổi, bổ sung BLTTHS. Quy định về quyết định truy tố của Việt Nam qua các lần sửa đổi, bổ sung của BLTTHS cũng đã thể hiện rõ nét hơn về sự kết hợp hài hòa giữa tính nhân đạo, bảo vệ xã hội và kiểm soát tội phạm của Nhà nước ta. Vừa qua, Điều 243 BLTTHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 99/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS cũng đã có một số quy định mới, đặc biệt là quy định VKS có thể truy tố vắng mặt bị can, đây cũng có thể được coi là một ngoại lệ của truy tố bắt buộc. Tuy nhiên, việc sửa đổi lần này mới chỉ là đang tháo gỡ những “điểm nghẽn” của pháp luật mà chưa được sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện. Trong thời gian sắp tới, việc rà soát lại toàn bộ quy định của BLTTHS, trong đó có quy định tại Điều 243 là sự cần thiết.

1. Những điểm mới trong quy định tại Điều 243 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025

Trước khi có BLTTHS sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 243 chỉ duy nhất có một nội dung quy định về thẩm quyền ra quyết định truy tố

⁴ Trần Thanh Long (2025), *Nhận diện những điểm nghẽn về thể chế trong xây dựng pháp luật*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/03/14/nhan-dien-nhung-diem-nghen-ve-the-che-trong-xay-dung-phap-luat/>, truy cập ngày 26/8/2025.

⁵ M. J. Trebilcock, R. Daniels, *Reforming the Legal System: Institutions, Law and Development*, 2008, p. 45.

⁶ Bruce Ackerman, *We the People*, Harvard University Press, 1991, p. 57.

của VKS và những yêu cầu về bản cáo trạng. Nội dung này bao gồm các yêu cầu cần ghi rõ về diễn biến hành vi phạm tội; những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Phần kết luận của bản cáo trạng ghi rõ tội danh và điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự (BLHS) được áp dụng. Bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra cáo trạng; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra bản cáo trạng. Quy định này vừa mang tính thủ tục của một văn bản, vừa là quy định tố tụng để bảo đảm sự khách quan và thống nhất về mặt pháp lý của việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can của VKS, đồng thời là cơ sở để Tòa án xét xử vụ án trong giai đoạn tiếp theo của quá trình tố tụng. Bên cạnh đó, bản cáo trạng còn là cơ sở pháp lý để bị can, người tham gia tố tụng khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tuy nhiên trên thực tế, khi truy tố bị can, VKS đã gặp nhiều khó khăn như trong trường hợp bị can bỏ trốn, hoặc đang ở nước ngoài (mà không thuộc trường hợp có thể xét xử vắng mặt như quy định tại Điều 290 BLTTHS) và việc truy nã kéo dài nên VKS thường phải ra quyết định tạm đình chỉ vụ án. Điều này đã dẫn đến vụ án bị đình trệ vô thời hạn, không thể chuyển sang giai đoạn xét xử, gây bức xúc trong nhân dân, làm giảm tính răn đe của pháp luật và không thể xử lý vật chứng hay tài sản liên quan đến tội phạm. Nếu VKS không có thẩm quyền truy tố vắng mặt tại giai đoạn truy tố thì Tòa án sẽ không có cơ sở thụ lý và xét xử vắng mặt ở giai đoạn xét xử. Trong khi cơ quan tiến hành tố tụng đã có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội và ra kết luận điều tra, đề nghị truy tố/ truy tố bị can nhưng vẫn phải quyết định tạm đình chỉ điều tra/tạm đình chỉ vụ án, mà không thể xử lý vắng mặt vì pháp luật chưa quy định⁷. Do đó, để bảo đảm tính liên tục, kịp thời của quá trình tố tụng, không để bị can trốn tránh làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án cũng như không bảo

⁷ Lê Thị Thuỳ Dương (2025), “Những điểm mới của BLTTHS về thủ tục truy tố, xét xử”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Những nội dung mới của BLHS, BLTTHS và Luật Tư pháp người chưa thành niên*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng khác thì BLTTHS cần phải bổ sung thêm quyền được truy tố bị can vắng mặt cho VKS. Tuy nhiên, nếu truy tố vắng mặt bị can, VKS không thể giao trực tiếp Bản cáo trạng cho bị can thì có thể ảnh hưởng đến quyền được biết và quyền bào chữa của bị can. Vì vậy, BLTTHS cần bổ sung quy định về việc niêm yết Bản cáo trạng công khai để bảo đảm tính công khai, minh bạch của hoạt động tố tụng, vừa là hoàn thành thủ tục thông báo đến bị can, vừa là cơ sở vững chắc cho các thủ tục tiếp theo.

Từ thực tiễn trên, Điều 243 BLTTHS năm 2015 được bổ sung thêm 03 khoản (khoản 2, 3 và 4). Khoản 2 Điều 243 quy định: VKS có thể quyết định truy tố bị can khi đã có đủ căn cứ và bảo đảm quyền bào chữa cho bị can theo quyết định của Bộ luật này trong các trường hợp sau: a) Bị can trốn hoặc không biết rõ bị can ở đâu và việc truy nã không có kết quả; b) Bị can đang ở nước ngoài mà không thể triệu tập để phục vụ các hoạt động nhằm quyết định việc truy tố; Khoản 3 quy định: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng theo quy định tại khoản 2 Điều này, cáo trạng phải được niêm yết nếu không thể giao được cho bị can; Khoản 4 quy định: Viện trưởng VKSNDTC chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Trong giai đoạn truy tố, “*Bị can, bị cáo trốn*” là trường hợp cố ý trốn tránh, vắng mặt, VKS không giao được giấy triệu tập cho bị can hoặc đã giao giấy triệu tập nhưng bị can không chấp hành, trình diện theo giấy triệu tập mà không vì lý do bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc che giấu tung tích, nơi cư trú, nơi làm việc, nơi học tập nhằm không chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. “*Không biết bị can, bị cáo đang ở đâu*” là trường hợp VKS đã tiến hành các hoạt động xác minh theo quy định pháp luật nhưng không xác định được bị can, bị cáo ở đâu. Và đối với cả hai trường hợp trên đòi hỏi phải là việc truy nã không có kết quả. “*Việc truy nã không có kết quả*” trong giai đoạn truy tố là trường hợp VKS đã thông báo với Cơ quan điều tra (CQĐT) ra quyết định truy nã bị can và áp dụng các biện pháp xác minh, truy bắt bị can, bị cáo nhưng đến khi đã hết thời hạn truy tố mà bị can, bị cáo không đầu thú hoặc không bắt được bị can, bị cáo. “*Bị can đang ở nước ngoài mà không thể triệu tập để phục vụ các hoạt động nhằm quyết*

định việc truy tố” là trường hợp có căn cứ xác định bị can đã xuất cảnh nhưng chưa có thông tin nhập cảnh và không xác định được nơi đang sinh sống, làm việc, học tập của bị can ở nước ngoài, không triệu tập, dẫn độ được bị can để phục vụ hoạt động truy tố hoặc trường hợp VKS có căn cứ xác định nơi đang sinh sống, làm việc, học tập của bị can ở nước ngoài, đã triệu tập, đã yêu cầu dẫn độ nhưng không thể đưa được bị can trở về Việt Nam để phục vụ hoạt động truy tố.

Hiện nay, việc truy tố vắng mặt bị can được quy định tại Điều 4 và Điều 6 Thông tư liên tịch số 05/2025/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025; trong đó, thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng được quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng, bảo đảm việc áp dụng Điều 243 BLTTHS được thực hiện thống nhất và đúng quy định. Cụm từ “*có thể*” tại khoản 2 Điều 243 bảo đảm thống nhất với quy định tại Điều 290 BLTTHS về xét xử vắng mặt. Trong từng trường hợp cụ thể, khi đáp ứng đủ điều kiện luật định, thì mới “*có thể*” xem xét, quyết định việc truy tố vắng mặt bị can⁸. Quy định này cũng có thể được coi là một ngoại lệ của truy tố bắt buộc, tức là VKS có quyền lựa chọn việc truy tố hoặc không truy tố khi bị can vắng mặt. Việc quyết định truy tố vắng mặt bị can phải bảo đảm thận trọng, khách quan, chặt chẽ, không để xảy ra vi phạm, lạm dụng; chỉ quyết định truy tố vắng mặt bị can khi thuộc các trường hợp luật định và đủ điều kiện: (a) Đã thu thập đủ chứng cứ, tài liệu để làm rõ các vấn đề phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 85 của BLTTHS và đủ căn cứ xác định bị can đã thực hiện tội phạm bị khởi tố, điều tra, truy tố; (b) Bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo vắng mặt theo quy định tại các điều 16, 291, 351 và Chương V của BLTTHS. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý, giải quyết vụ án phải thông báo về quyền nhờ người bào chữa cho người đại diện hoặc người thân thích của bị can, bị cáo để họ nhờ người bào chữa. Trường hợp người đại diện hoặc người thân thích của bị can, bị cáo không nhờ người bào chữa thì cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo vắng mặt theo quy định tại Điều 76 của BLTTHS⁹.

⁸ Báo cáo số 63/BC-VKSTC ngày 04/6/2025 báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS.

⁹ Lê Thị Thuỳ Dương, Tlđđ, tr. 61.

Có thể thấy, việc bổ sung quy định này tạo sự đồng bộ với quy định về việc xét xử vắng mặt bị cáo trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng răn đe các đối tượng phạm tội có ý định bỏ trốn, đồng thời đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn hiện nay khi thực tế đã xảy ra nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng, gây thiệt hại rất lớn nhưng bị can bỏ trốn, truy nã không có kết quả; hoặc bị can ở nước ngoài không thể triệu tập. Vì vậy, các bổ sung này trong Điều 243 đã tạo hành lang pháp lý để truy tố vắng mặt trong trường hợp bất khả kháng, bảo đảm tính liên tục của tố tụng hình sự, tránh để vụ án kéo dài vì không giao được cáo trạng, hợp pháp hóa cơ chế niêm yết công khai bản cáo trạng, bảo đảm nguyên tắc minh bạch và quyền bào chữa của bị can và làm cơ sở để liên ngành ban hành hướng dẫn thống nhất trên toàn quốc. Trên thực tế, cơ quan tiến hành tố tụng đã phối hợp, thực hiện điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt nhiều bị can, bị cáo trong các vụ án lớn, thu hồi nhiều tài sản có giá trị lớn, được dư luận nhân dân đồng tình, ủng hộ, ví dụ như vụ án Nguyễn Thị Thanh Nhân cùng đồng phạm trong vụ AIC Đồng Nai. Có người sau khi bỏ trốn đã về đầu thú và chấp nhận thi hành bản án, quyết định của Tòa án, không có khiếu nại, tố cáo, kháng cáo¹⁰. Điều 243 BLTTHS sau khi được sửa đổi, bổ sung năm 2025 đã mang lại những điểm mới thể hiện rõ rệt cho tính chủ động và sự thông suốt của quá trình tố tụng, bảo đảm không bị kéo dài thời hạn tố tụng, tránh gây tổn động án trong quá trình giải quyết vụ án. Quy định này khắc phục được sự ràng buộc cứng nhắc trước đây, vốn yêu cầu bị can phải có mặt mới được truy tố, từ đó giúp vụ án được giải quyết kịp thời, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm xuyên quốc gia ngày càng phổ biến. Ngoài ra, việc bổ sung cơ chế niêm yết công khai bản cáo trạng theo khoản 3 Điều 243 BLTTHS tạo điều kiện để bị can, gia đình, người bào chữa và các bên liên quan có thể tiếp cận thông tin vụ án, góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động tố tụng. Việc cụ thể hóa tình huống truy tố bị can ra trước Tòa án dù không thể giao trực tiếp bản cáo trạng cũng đặt nền tảng cho các thủ tục tiếp theo như xét xử vắng mặt, ra quyết định truy nã

mới, hoặc xử lý vật chứng. Vì vậy, bảo đảm quá trình giải quyết vụ án được thông suốt¹¹.

2. Một số kiến nghị tiếp tục nâng cao chất lượng áp dụng quy định của Điều 243 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025

Thứ nhất, mặc dù quy định mới tại Điều 243 BLTTHS sửa đổi, bổ sung năm 2025 đã góp phần tháo gỡ nhiều vướng mắc trong thực tiễn, nhưng vẫn tiềm ẩn những hạn chế đáng lưu ý. *Trước hết*, việc cho phép truy tố vắng mặt có thể dẫn đến sự suy giảm thực chất quyền đối chất và quyền tự bào chữa của bị can, đó là những quyền tố tụng cốt lõi gắn liền với nguyên tắc tranh tụng. Nếu không được thiết kế bằng các cơ chế bảo đảm đủ mạnh, quy định này rất dễ tạo ra khoảng trống pháp lý làm tổn hại quyền bình đẳng trước pháp luật theo Điều 9 BLTTHS, đặc biệt trong bối cảnh bị can không có điều kiện trực tiếp tham gia phản biện, bác bỏ hoặc kiểm tra giá trị chứng cứ và không có người bào chữa tham gia. *Hai là*, không thể bỏ qua nguy cơ lạm dụng thẩm quyền khi áp dụng truy tố hoặc xét xử vắng mặt. Những trường hợp được viện dẫn như “truy nã không kết quả” hay “không thể triệu tập” nếu không được cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh đầy đủ và thuyết phục sẽ dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, kéo theo hệ quả xâm phạm quyền con người. Điều này đòi hỏi phải thiết lập bộ tiêu chí kiểm chứng chặt chẽ và cơ chế kiểm soát độc lập, nhằm ngăn ngừa việc sử dụng quy định như một giải pháp nhanh nhưng thiếu cơ sở pháp lý. *Ba là*, để bảo đảm tính hợp pháp và chính danh của quyết định truy tố bị can vắng mặt, yêu cầu đặt ra là phải tăng cường cơ chế kiểm sát của cấp trên đối với toàn bộ quyết định này. Việc kiểm sát không chỉ có thẩm quyền ngăn ngừa sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật, mà còn bảo đảm rằng mỗi quyết định được ban hành đều dựa trên căn cứ pháp lý rõ ràng, lập luận thuyết phục và hệ thống chứng cứ đầy đủ, hợp pháp. Từ các nhận định trên, tác giả cho rằng, cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành hướng dẫn với các quy định chi tiết và khả thi về: (1) Tiêu chí đánh giá tình huống được phép truy tố vắng mặt; (2) Thủ tục và hình thức niêm yết cáo trạng bảo đảm công khai, minh bạch; và (3) Các biện pháp hữu hiệu nhằm bảo đảm quyền bào chữa

¹⁰ Đề xuất được điều tra, truy tố vắng mặt khi bị can ở nước ngoài không thể triệu tập, <https://tuoitre.vn/de-xuat-bo-sung-quy-dinh-dieu-tra-truy-to-bi-can-vang-mat-hoan-thi-hanh-an-tu-hinh-20250428172130188.htm>, truy cập ngày 25/11/2025.

¹¹ Đỗ Đăng Kiều Duyên (2025), *Bàn về Điều 243 BLTTHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025*, <https://vksquangngai.gov.vn/ban-ve-dieu-243-blthhs-nam-2015-sua-doi-bo-sung-nam-2025-2185.html>, truy cập ngày 18/11/2025.

của bị can, dù họ không có mặt trong quá trình tố tụng. Như vậy sẽ góp phần nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, củng cố niềm tin của xã hội vào công lý và pháp quyền.

Thứ hai, khoản 3, khoản 4 Điều 243 BLTTHS quy định như sau: (3) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng theo quy định tại khoản 2 Điều này, cáo trạng phải được niêm yết nếu không thể giao cho bị can; (4) Viện trưởng VKSNDTC chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này. Như vậy, việc niêm yết cần phải được hướng dẫn tại thông tư liên tịch. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 05/2025/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 lại quy định: “*Trường hợp không thể giao kết luận điều tra đề nghị truy tố, bản cáo trạng, bản án, quyết định của Tòa án cho bị can, bị cáo, thì CQĐT, VKS, Tòa án thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng này theo quy định tại Điều 140, khoản 3 Điều 233, khoản 3 Điều 243 và khoản 1 Điều 262 của BLTTHS*”. Nghiên cứu quy định của BLTTHS trong các điều luật này, tác giả không thấy quy định cụ thể về việc niêm yết như thế nào, niêm yết ở đâu, niêm yết bao lâu, hay việc niêm yết kết luận điều tra, cáo trạng đối với các vụ án có bị can, bị hại người dưới 18 tuổi có gì đặc biệt không... Như vậy, các thủ tục về niêm yết không được quy định trong Bộ luật vì Bộ luật chờ Thông tư, mà Thông tư thì lại quy định dẫn chiếu ngược lại theo quy định của Bộ luật. Đây cũng là một điểm cần phải khắc phục trong sửa đổi, bổ sung sắp tới của BLTTHS. Chúng tôi cho rằng, BLTTHS nên quy định cụ thể hơn về thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng và quy định cụ thể địa điểm niêm yết là tại trụ sở các cơ quan tiến hành tố tụng, đăng công khai trên báo chí hoặc các phương tiện truyền thông khác để làm cơ sở để CQĐT, VKS, Tòa án thực hiện trong trường hợp không thể giao cho bị can, bị cáo các văn bản này.

Thứ ba, về kỹ thuật lập pháp, quy định tên Chương XIX và tên Điều 243 trong BLTTHS được sửa đổi, bổ sung năm 2025 hiện nay là chưa hợp lý. Tên Chương XIX là: “*Quyết định việc truy tố bị can*”, còn tên Điều 243 là: “*Quyết định truy tố bị can*”. Như vậy giữa tên Chương và tên Điều này chỉ khác nhau ở từ “*việc*”, còn lại giống nhau hoàn toàn. Vậy từ “*việc*” ở đây có điểm gì khác biệt mà BLTTHS lại dùng để đặt tên chương? Nghiên cứu toàn bộ Chương

XIX cho thấy từ Điều 243 đến Điều 249 là các quy định về các quyết định của VKS có quyền được ra trong giai đoạn truy tố, không chỉ bao gồm quyết định truy tố bị can mà còn là các quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung, tạm đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án, phục hồi vụ án. Các quyết định này có thể được ra ngay cả khi VKS chưa ra quyết định truy tố bị can. Việc đặt tên chương và điều trùng nhau cho thấy sự chưa hợp lý trong kỹ thuật lập pháp. Tác giả cho rằng, tên điều là hợp lý vì thể hiện rõ quyết định truy tố bị can của VKS, tuy nhiên tên chương cần phải thay đổi, tránh sự trùng lặp và chưa bao quát hết nội dung của các điều luật trong chương. Vì vậy, tác giả đề xuất nên đổi tên Chương XIX là: “*Các quyết định trong giai đoạn truy tố*”, hoặc “*Các quyết định của VKS*”..., sẽ bảo đảm tính phù hợp, thống nhất, đầy đủ và logic hơn.

Thứ tư, để nâng cao chất lượng thực hiện các quy định của Điều 243 BLTTHS thì việc nâng cao trách nhiệm của Kiểm sát viên trong việc xây dựng bản cáo trạng và ra quyết định truy tố là vô cùng cần thiết.

Qua thực tiễn và nghiên cứu các văn bản rút kinh nghiệm về việc xây dựng bản cáo trạng của VKSND các địa phương cho thấy, vẫn còn không ít bản cáo trạng chưa có chất lượng tốt, chứng cứ chưa được đánh giá, phân tích và tổng hợp một cách khoa học, toàn diện nên phần kết luận chưa thật sâu sắc và thiếu thuyết phục, làm ảnh hưởng đến chất lượng công tác thực hành quyền công tố và vai trò, vị trí của VKS trong hoạt động tố tụng. Ví dụ, về hình thức cáo trạng vẫn chưa được áp dụng thống nhất trong toàn ngành, mỗi một đơn vị có một cách viết khác nhau, còn nhiều lỗi chính tả hay quên đóng dấu giáp lai đối với những cáo trạng nhiều trang. Có bản cáo trạng không ghi rõ nơi gửi tới hoặc ghi không chính xác như cấp ủy địa phương, chính quyền địa phương, lưu hồ sơ thì không ghi rõ lưu hồ sơ vụ án hay hồ sơ kiểm sát điều tra. Có nhiều cáo trạng phần nhân thân bị can viết rất đơn giản, ví dụ bị can sinh năm..., trú quán... (không ghi rõ ngày, tháng sinh). Về nội dung cáo trạng: Bản cáo trạng được ban hành gần như tương tự như bản kết luận điều tra hoặc có những điểm chưa phù hợp, chưa chính xác với những gì đã được thu thập và có trong hồ sơ, nhất là việc phản ánh và bổ sung những diễn biến mới sau khi CQĐT đã ban hành bản kết luận điều tra, số

bút lục để chứng minh những nội dung đã nêu trong bản cáo trạng là có căn cứ; có những bị can bị truy tố về nhiều tội nhưng cáo trạng chỉ mô tả liệt kê các hành vi mà không phân tích cụ thể hành vi nào phạm vào tội nào được quy định trong BLHS. Bên cạnh đó, cũng có những vụ án có đồng phạm nhưng nội dung cáo trạng không nêu rõ được vai trò của từng bị can hoặc xếp vai trò đồng phạm của từng bị can chưa đúng; việc nghiên cứu hồ sơ còn sơ sài, phiến diện chưa bám sát quá trình điều tra dẫn đến sai lầm trong đánh giá chứng cứ, ảnh hưởng đến chất lượng truy tố. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, đánh giá chứng cứ và xây dựng quyết định truy tố (cáo trạng) của Kiểm sát viên được phân công còn hạn chế, một số Kiểm sát viên chưa có kinh nghiệm nên chưa biết phân tích, tổng hợp, đánh giá chứng cứ nên nội dung truy tố chưa có tính thuyết phục cao¹². Có trường hợp Kiểm sát viên chỉ tập trung nêu chứng cứ buộc tội và các tình tiết tăng nặng, còn chứng cứ gỡ tội, các tình tiết giảm nhẹ thì không chú ý đề cập, làm cho bản cáo trạng phân tích một chiều, không khách quan. Mặt khác, do Kiểm sát viên không bám sát quá trình điều tra nên dễ dàng thỏa mãn với kết quả điều tra của CQĐT. Điều này dẫn đến việc xây dựng cáo trạng lệ thuộc nhiều vào kết luận điều tra nên việc truy tố không khách quan, toàn diện. Ngoài ra, nhận thức của Kiểm sát viên về các tình tiết của vụ án còn hạn chế, dẫn đến đánh giá không đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị can; Kiểm sát viên còn sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến quyết định trong cáo trạng truy tố chưa chính xác...

Là người có thẩm quyền tố tụng, được pháp luật giao cho quyền hạn và nhiệm vụ quyết định truy tố người phạm tội ra trước Tòa án nên dư luận xã hội rất quan tâm, đòi hỏi Kiểm sát viên phải hết sức thận trọng, khách quan, chính xác trong việc đánh giá chứng cứ buộc tội để tránh những sai lầm nghiêm trọng này. Do đó, việc nâng cao ý thức, năng lực và trách nhiệm của Kiểm sát viên trong việc xây dựng bản cáo trạng trong mỗi vụ án là vấn đề hết sức cần thiết.

Thứ năm, nâng cao cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng khi thực hiện việc truy tố vắng mặt bị can nhằm

đảm bảo tính minh bạch, khách quan và không xâm phạm quyền con người. Cần hoàn thiện quy chế phối hợp giữa CQĐT, VKS và Tòa án trong việc xác minh nơi cư trú, tình trạng xuất cảnh và lý do vắng mặt của bị can, bị cáo. Thông tin cần được trao đổi kịp thời, thống nhất, tránh tình trạng hồ sơ bị trả qua lại hoặc chậm trễ do thiếu căn cứ đánh giá việc xét xử vắng mặt. Đồng thời, việc bảo đảm quyền bào chữa phải được coi là trọng tâm. Mặc dù bị can, bị cáo không có mặt, họ vẫn phải được thông báo đầy đủ về quyền thuê hoặc được chỉ định luật sư, được tiếp cận hồ sơ vụ án và quyền yêu cầu bảo lưu ý kiến. Các cơ quan tố tụng cần áp dụng linh hoạt phương thức hỗ trợ tố tụng từ xa, như trao đổi qua nền tảng điện tử, công bố tài liệu số hóa, tạo điều kiện để luật sư thực hiện quyền tiếp cận tài liệu, chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can bị truy tố vắng mặt./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quan Tuấn Nghĩa, “Chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố của VKSND”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 15, tháng 8/2018;
2. Nguyễn Quý Khuyển, Đặng Văn Thực, “Cơ sở áp dụng chế định quyền tùy nghi truy tố của VKS trong tố tụng hình sự ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 11/2024;
3. Cổng thông tin điện tử VKSNDTC (2008), *Một số điểm đáng lưu ý liên quan đến tố tụng tại cấp sơ thẩm theo BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức*, <https://www.vksndtc.gov.vn/thong-tin/thong-tin-khoa-hoc-kiem-sat/mot-so-diem-dang-luu-y-lien-quan-den-to-tung-tai-c-d16-t7848.html>, truy cập ngày 25/11/2025;
4. Trần Thanh Long (2025), *Nhận diện những điểm nghẽn về thể chế trong xây dựng pháp luật*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/03/14/nhan-dien-nhung-diem-nghen-ve-the-che-trong-xay-dung-phap-luat/>, truy cập ngày 26/8/2025;
5. Báo cáo 63/BC-VKSTC ngày 04/6/2025 báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS;
6. Lê Thị Thuỳ Dương (2025), “Những điểm mới của BLTTHS về thủ tục truy tố, xét xử”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Những nội dung mới của BLHS, BLTTHS và Luật Tư pháp người chưa thành niên*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
7. Đề xuất được điều tra, truy tố vắng mặt khi bị can ở nước ngoài không thể triệu tập, <https://tuoitre.vn/de-xuat-bo-sung-quy-dinh-dieu-tra-truy-to-bi-can-vang-mat-hoan-thi-hanh-an-tu-hinh-20250428172130188.htm>, truy cập ngày 25/11/2025;
8. Đỗ Đăng Kiều Duyên (2025), *Bản về Điều 243 BLTTHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025*, <https://vksquangngai.gov.vn/ban-ve-dieu-243-blthhs-nam-2015-sua-doi-bo-sung-nam-2025-2185.html>, truy cập ngày 18/11/2025;
9. Nông Xuân Trường, về cơ quan công tố Hàn Quốc, <https://hpu.vn/thong-tin-khoa-hoc/ve-co-quan-cong-to-han-quoc-8571.html>, truy cập ngày 27/11/2025;
10. M. J. Trebilcock, R. Daniels, *Reforming the Legal System: Institutions, Law and Development*, 2008;
11. Bruce Ackerman, *We the People*, Harvard University Press, 1991.

¹² Quan Tuấn Nghĩa, “Chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố của VKSND”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 15, tháng 8/2018, tr. 39.